

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **57**/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13-10-2021

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Liêm.
2. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 170/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/9/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Lệ Th, sinh năm 1960.

Địa chỉ: ấp PT, xã VPB, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp PT, xã VPB, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Có mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng TMCP K. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành N, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP Kiên Long – Phòng giao dịch Gò Quao. Địa chỉ: Khu phố PT2, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Theo văn bản ủy quyền ngày 15/7/2021. Có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 05/5/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Lệ Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn Tr có thời gian quen biết, tìm hiểu, sau đó tiến đến tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau vào năm 1987; đến ngày 01/3/2016 được UBND xã Vĩnh Phước B, huyện Gò Quao cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27. Thời gian đầu chúng tôi chung sống có hạnh phúc, khoảng 03 năm sau thì ông bà có phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây gổ với nhau và ngày càng trầm trọng và không còn niềm tin với nhau, nguyên nhân do ông Tr không lo làm ăn thường xuyên nhậu nhẹt, chửi bới vô cớ, có lời lẽ thô tục; sự việc mâu thuẫn này bà có khuyên nhủ nhưng ông Tr không sửa đổi, từ năm 2018 đến nay ông bà không còn chung sống với nhau và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay bà xét thấy chung sống với ông Tr không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà làm đơn yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Văn Tr.

- Về con chung: Bà xác định chung sống với ông Tr có được 01 đứa con tên là Nguyễn Thị Cẩm H (giới tính nữ), sinh ngày 03/5/1988, hiện nay cháu H đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét.

- Về tài sản chung: Bà trình bày đã tự thỏa thuận với ông Tr là giao lại cho con quản lý sử dụng 04 công đất lúa, còn về phần nhà (đất thổ) thì giao lại con con và ông Tr để ở và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết phân chia trong vụ án này.

- Về nợ chung: Bà xác định có nợ Ngân hàng TMCP K – PGDGQ theo hợp đồng tín dụng từng lần số 2570/20/HĐTD/1011-0864 ngày 14/12/2020, thời hạn vay là 12 tháng, lãi vay cho vay là 13,4%/năm, mục đích vay Bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi, hiện nay dư nợ gốc là 75.000.000 đồng, còn tiền lãi thì thanh toán đầy đủ. Số nợ này bà yêu cầu phía ngân hàng tạo điều kiện cho bà tiếp tục thực hiện theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, không yêu cầu ông Tròn cùng trả.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/6/2021 và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn Tr trình bày: Ông thống nhất với đơn khởi kiện và lời trình bày của bà Trần Thị Lệ Th về quan hệ hôn nhân. Ông cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng với bà Th có hạnh phúc, trong quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn nhưng không trầm trọng, bản thân ông vẫn làm tròn nghĩa vụ của người chồng. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là chủ yếu do cách cư xử, ông thừa nhận có nhậu nhẹt để giao tiếp bạn bè và khi nóng thì có lời lẽ khó nghe. Từ đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hiện nay ông và bà Th không còn chung sống vợ chồng với nhau, trong thời gian đó ông cũng nhiều lần làm hòa hàn gắn lại tình cảm nhưng bà Th kiên quyết xin ly hôn. Xét thấy bà Th kiên quyết xin ly hôn thì ông không có ý kiến mà tùy vào sự phán quyết của Tòa án, ông không có ý kiến gì thêm.

Về con chung: Ông xác định chung sống với bà Th có được 01 đứa con chung tên là Nguyễn Thị Cẩm H (giới tính nữ), sinh ngày 03/5/1988, hiện nay cháu H đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Để ông bà đã tự thỏa thuận với nhau theo ý kiến nêu trên của bà và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ông thông nhất với bà Th có nợ Ngân hàng TMCP K theo hợp đồng tín dụng từng lần số 2570/20/HĐTD/1011-0864 ngày 14/12/2020, thời hạn vay là 12 tháng, lãi vay cho vay là 13,4%/năm, mục đích vay Bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi, hiện nay dư nợ gốc là 75.000.000 đồng, còn tiền lãi thì thanh toán đầy đủ. Số nợ này ông yêu cầu phía ngân hàng tạo điều kiện cho bà Th tiếp tục thực hiện theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP K ông Nguyễn Thành N trình bày: Ông Nguyễn Văn Tr và bà Trần Thị Lê Th có vay tín dụng tại Ngân hàng TMCP K theo hợp đồng tín dụng từng lần số 2570/20/HĐTD/1011-0864 ngày 14/12/2020, hiện nay dư nợ gốc là 75.000.000 đồng, còn tiền lãi thì thanh toán đầy đủ. Thời hạn vay là 12 tháng, lãi vay cho vay là 13,4%/năm, mục đích vay bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi. Người đại diện của Ngân hàng không có ý kiến gì về việc yêu cầu ly hôn của bà Th, ông Tr và thống nhất với trình bày nợ chung. Người đại diện của Ngân hàng TMCP K chấp nhận cho ông, bà tiếp tục thực hiện theo hợp đồng tín dụng số 2570/20/HĐTD/1011-0864 ngày 14/12/2020 và không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao có ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Trần Thị Lê Th được ly hôn với ông Nguyễn Văn Tr. Về con chung: ông, bà có được 01 người con tên là Nguyễn Thị Cẩm H (giới tính nữ), sinh ngày 03/5/1988, hiện nay đã trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản chung các bên đương sự đã thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đối với khoản nợ theo theo hợp đồng tín dụng từng lần số 2570/20/HĐTD/1011-0864 ngày 14/12/2020, ông bà cùng trình bày xin tiếp tục thực hiện hợp đồng và người đại diện của của Ngân hàng TMCP K chấp nhận cho ông, bà tiếp tục thực hiện theo hợp đồng tín dụng và không có yêu cầu độc lập trong vụ án này. Trường hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện thành một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Lê Th xin ly hôn đối với ông Nguyễn Văn Tr. Nơi bị đơn ông Tr đang cư trú tại ấp PT, xã VPB, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người đại diện của Ngân hàng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét việc vắng mặt này không gây trở ngại khi xét xử vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Lê Th với ông Nguyễn Văn Tr xác lập cuộc sống chung vợ chồng với nhau từ năm 1987, đến ngày 01/3/2016 được UBND xã Vĩnh Phước B, huyện Gò Quao cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27. Như vậy ông Tr và bà Th đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của bà Trần Thị Lê Th xin ly hôn với ông Nguyễn Văn Tr vì lý do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, không hợp nhau và hay thường xuyên cãi vã làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng hiện nay không còn chung sống với nhau. Đối với ông Tr, Tòa án đã tổng đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng để tạo điều kiện cho vợ chồng ông bà hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng ông Tr đều không có mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ được.

Tại phiên tòa, bà Th khai rõ chung sống được khoảng 03 năm thì ông bà xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Tr không lo làm ăn mà hay nhậu nhẹt và còn có lời lẽ xúc phạm bà và không tôn trọng bà, từ đó tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được, bản thân bà thì không còn tình cảm dành cho ông Tr

và bà Th cũng tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn với ông Tr. HĐXX thấy rằng, trước khi cưới nhau ông, bà đã có thời gian tìm hiểu nhau nhưng khi về sống chung một thời gian mới bộc lộ cá tính của mỗi người nên khi xảy ra mâu thuẫn không giải quyết được dẫn đến tranh chấp kéo dài làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà Trần Thị Lệ Th xác định bà và ông Nguyễn Văn Tr chung sống có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Cẩm H (giới tính nữ), sinh ngày 03/5/1988, hiện nay cháu H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà Trần Thị Lệ Th trình bày đã tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Đối với khoảng nợ tính đến ngày hôm nay 13/10/2021 **vốn gốc 75.000.000đ, lãi 3.304.110 đồng, tổng cộng: 78.304.110 đồng** của Ngân hàng TMCP Kiên Long – PGD Gò Quao theo theo hợp đồng tín dụng từng lần số 2570/20/HĐTD/1011-0864 ngày 14/12/2020 bà Th, ông Tr đã tự thỏa thuận không phân chia do tài sản đã thế chấp tại Ngân hàng TMCP K nhằm đảm bảo thực hiện hợp đồng tín dụng từng lần số 2570/20/HĐTD/1011-0864. Người đại diện Ngân hàng TMCP K vắng mặt và có ý kiến thống nhất với thỏa thuận này, đồng thời không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Trường hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện thành một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng bà Trần Thị Lệ Th phải nộp do bà có yêu cầu xin ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số **0002811**, ngày **12/5/2021** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị Lệ Th được ly hôn với ông Nguyễn Văn Tr.

2. Về con chung: Miễn xét.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Lệ Th và ông Nguyễn Văn Tr đã tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Trần Thị Lệ Th, ông Nguyễn Văn Tr, người đại diện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K đã tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Trần Thị Lệ Th phải chịu nộp do bà có yêu cầu xin ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số **0002811**, ngày **12/5/2021** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. **Như vậy, bà Th đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.**

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (**ngày 13/10/2021**). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện KSND H. Gò Quao;
- Chi cục THADS H. Gò Quao;
- UBND xã Vĩnh Phước B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tôn